

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22/8/2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Huy Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương

2. Bà Dương Thị Bận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương: Bà Nguyễn Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 641/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1986; nơi thường trú: Ấp H, xã Đ, thành phố V, tỉnh Trà Vinh; nơi tạm trú: Số nhà 1/36A tổ 8, khu phố L, phường G, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương- Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trường P, sinh năm 1987; nơi thường trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: : Số nhà 1/36A tổ 8, khu phố L, phường G, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 4 năm 2019, biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Trường P tìm hiểu và tiến đến hôn nhân tự nguyện, được sự cho phép của hai bên gia đình có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố V, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 168, cấp ngày 08/9/2009.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2006 cho đến nay vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bà B và ông P thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, ông P không những không phụ bà chăm sóc gia đình, con cái, mọi việc trong nhà đều dồn đẩy bà quán xuyến. Sau nhiều lần cãi vã, bà

và ông P đã sống ly thân gần 01 năm nay. Bà đã nhiều lần tha thứ, cho ông P cơ hội để sửa sai, hai bên gia đình cũng đã cố gắng tác động, hòa giải nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm, cả hai không còn tình cảm, yêu thương nhau, hạnh phúc gia đình không còn. Nhân thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau do vậy bà đã nộp đơn đến Tòa án để yêu cầu giải quyết ly hôn với ông P.

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trường P.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Trường V, sinh ngày 18/6/2010. Bà B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn đều vắng mặt

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về quan hệ hôn nhân và yêu cầu nuôi con chung.

Bị đơn vắng mặt lần hai đối với việc xét xử.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Trường P và yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – ông Nguyễn Trường P có nơi cư trú tại khu phố L, phường G, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn – ông Nguyễn Trường P đã được Tòa án niêm yết, triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để làm việc, hòa giải, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự

[4] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Trường P được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố V, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 168, cấp ngày 08/9/2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Trường P với lý do: vợ chồng bất đồng quan điểm, ông P không những không phụ bà chăm sóc gia đình, con cái, mọi việc trong nhà đều dồn đẩy bà quán xuyến. Sau nhiều lần cãi vã, bà và ông P đã sống ly thân gần 01 năm nay. Bà đã nhiều lần tha thứ, cho ông P cơ hội để sửa sai, hai bên gia đình cũng đã cố gắng tác động, hòa giải nhưng không thành.

Quá trình tố tụng Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Trường P tại nơi cư trú của vợ chồng nhưng không ai có thông tin gì về việc vợ chồng bà B và ông P mâu thuẫn. Trong suốt quá trình tố tụng ông P đều vắng mặt nên được xem là từ bỏ quyền trình bày của mình, đưa ra chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ để xem xét giải quyết.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng bà B và ông P vì bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Ông P không quan tâm đến vợ con. Sau nhiều lần cãi vã, bà B và ông P đã sống ly thân gần 01 năm nay. Bà B đã nhiều lần tha thứ, cho ông P cơ hội để sửa sai, hai bên gia đình cũng đã cố gắng tác động, hòa giải nhưng không thành nên xác định tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà B và ông P không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà B và ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B về việc ly hôn với ông P.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà B yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Trường V, sinh ngày 18/6/2010. Bà B khai công việc của mình là làm nghề công nhân của Công ty Gỗ Thái Bình Dương. Bà B xuất trình chứng cứ là Bảng lương với mức lương thực lãnh tháng 6/2019 là 5.796.149 đồng, tháng 7/2019 là 9.175.429 đồng.

Như vậy căn cứ vào những chứng cứ nêu trên đủ căn cứ kết luận bà B có đủ điều kiện về kinh tế để đảm bảo cuộc sống của con. Mặt khác, kể từ khi ông P bỏ nhà đi, một mình bà B chăm sóc cháu V. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Vũ trình bày nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ. Bà B chăm sóc con tốt nên cháu V phát triển bình thường và khỏe mạnh. Do vậy, Hội đồng xét xử cần giao cháu V cho bà B nuôi dưỡng, chăm sóc là đảm bảo quyền lợi chính đáng của con.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- bà Nguyễn Thị B đối với bị đơn- ông Nguyễn Trường P về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Trường P.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trường V, sinh ngày 18/6/2010 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0035269 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- UBND xã Đ, thành phố V, tỉnh Trà Vinh
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Huy Cường

